

Số: 114/QĐ-VP

Việt Hoà, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý 3/2026

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG VIỆT HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường Việt Hoà về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, cơ quan, đơn vị phường Việt Hoà.

Theo đề nghị của Kế toán Văn phòng HĐND và UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 3/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hoà.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Phó Chánh Văn phòng; Kế toán Văn phòng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Như điều 3
- Lưu: VT, KT.



Lương Bình Dương

Việt Hoà, ngày 02 tháng 10 năm 2026

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2026
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ- CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hoà công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 3 năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	38.681.281.021	11.795.875.499	30,50	
I	Nguồn ngân sách trong nước	38.681.281.021	11.795.875.499	30,50	
1	Chi quản lý hành chính	16.576.643.553	3.556.375.202	21,45	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.810.863.000	2.298.370.274	23,43	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.765.780.553	1.258.004.928	18,59	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	357.000.000	180.649.980	50,60	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	357.000.000	180.649.980	50,60	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	252.595.367	67.689.000	26,80	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	171.000.000	67.689.000	39,58	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	81.595.367		0,00	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0		
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	5.576.385.265	1.859.704.500	33,35	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.459.000.000	1.859.704.500	53,76	
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.117.385.265		0,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	2.042.000.000	68.868.341	3,37	
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.042.000.000	68.868.341	3,37	
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.068.095.300	5.528.928.000	91,11	
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.675.000.000	5.528.928.000	97,43	
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393.095.300		0,00	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0		
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	53.408.231	0	0,00	
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	53.408.231		0,00	

Việt Hoà, ngày 02 tháng 10 năm 2026

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2026
CỦA VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG VIỆT HOÀ**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường Việt Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, cơ quan, đơn vị phường Việt Hòa;

Căn cứ các Quyết định điều chỉnh, bổ sung ngân sách phường năm 2026.

I. Tình hình thực hiện dự toán thu chi Quý 3 năm 2026.

Dvt: đồng										
STT	Nguồn	Nội Dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong kỳ	Dự toán được sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Dự kiến chuyển nguồn/nộp lại NS cấp trên/hủy dự toán	Dự toán còn lại
A	B	C	I	2	3	4=1+2+3	5	6	7	8=4-6-7
		Tổng cộng	6.153.787.254	32.278.148.000	249.345.767	38.681.281.021	11.795.875.499	19.750.627.938		18.930.653.083
1	12	Nguồn kinh phí không tự chủ	6.153.787.254	1.080.000.000	2.720.677.167	9.954.464.421	1.258.004.928	3.040.109.990		6.914.354.431
1		Quốc phòng								
2		An ninh và trật tự an toàn xã hội								
3		Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	81.595.367			81.595.367				81.595.367
4		Y tế khác								
5		Văn hóa								
6		Phát thanh	53.408.231			53.408.231				53.408.231
7		Thể dục thể thao								
8		Bảo vệ môi trường khác	393.095.300			393.095.300				393.095.300
9		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp			543.199.705	543.199.705				543.199.705
10		Giao thông đường bộ								
11		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác								

12		Quản lý nhà nước	3.508.303.091	1.080.000.000	2.177.477.462	6.765.780.553	1.258.004.928	3.040.109.990		3.725.670.563
13		Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng								
14		Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	2.117.385.265			2.117.385.265				2.117.385.265
II	13	Nguồn kinh phí tự chủ		30.797.791.000	-2.312.694.400	28.485.096.600	10.537.870.571	16.710.517.948		11.774.578.652
1		Quốc phòng		2.660.000.000	-2.286.046.400	373.953.600		86.022.276		287.931.324
2		An ninh và trật tự an toàn xã hội		2.256.000.000	-17.000.000	2.239.000.000	483.727.100	1.407.559.100		831.440.900
3		Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		180.000.000	-9.000.000	171.000.000	67.689.000	67.689.000		103.311.000
		Phát triển công nghệ, giải pháp xã hội		327.300.000	29.700.000	357.000.000	180.649.980	180.649.980		176.350.020
4		Y tế khác								
5		Văn hóa		2.374.032.000	-2.374.032.000					
6		Phát thanh		243.000.000	-243.000.000					
7		Thể dục thể thao		287.100.000	-287.100.000					
8		Bảo vệ môi trường khác		5.979.600.000	-304.600.000	5.675.000.000	5.528.928.000	5.528.928.000		146.072.000
9		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp		1.440.200.000	40.800.000	1.481.000.000	49.933.376	49.933.376		1.431.066.624
10		Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi								
11		Giao thông đường bộ		2.781.000.000	309.000.000	3.090.000.000				3.090.000.000
12		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác		1.945.000.000	97.000.000	2.042.000.000	68.868.341	92.699.426		1.949.300.574
13		Quản lý nhà nước		10.324.559.000	-727.416.000	9.597.143.000	2.298.370.274	6.138.527.625		3.458.615.375
15		Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng								
16		Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác			3.459.000.000	3.459.000.000	1.859.704.500	3.158.509.165		300.490.835
	18	Quỹ khen thưởng		400.357.000	-158.637.000	241.720.000				241.720.000
1		Quốc phòng		28.000.000		28.000.000				28.000.000
2		Văn hóa		79.579.000	-79.579.000					
3		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp		7.000.000	-7.000.000					

4	Quan lý nhà nước	285.778.000	-72.058.000	213.720.000			213.720.000
---	------------------	-------------	-------------	-------------	--	--	-------------

II. Đánh giá.

Chỉ ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của các phòng, đồng thời đảm bảo kịp thời các khoản chi chế độ cho cán bộ công chức. Việc điều hành chi được bám sát nhiệm vụ theo dự toán đã được giao.

Trên đây là thuyết minh thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 3 năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hòa./.

Ngày 02 tháng 10 năm 2026
 Thủ trưởng đơn vị

 Lương Bình Dương

ÔNG
 HÂN DÂN
 HÂN DÂN
 T.P. HẢI PHÒNG